TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Minh Hiệp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Văn Vững
2. Ông Nguyễn Phước Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2017/TLST–HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phước Hạnh, sinh năm 1978, cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979, cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện C, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/6/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Phước H trình bày: Anh và bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng L kết hôn vào năm 2000, theo giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2000 ngày 18 tháng 11 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống H phúc đến giữa năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh và chị L không hòa hợp về lối sống, tính cánh nên thường xuyên cãi nhau. Anh thừa nhận anh không chung thủy với chị L, anh có tình cảm với người khác. Vào tháng 5 năm 2017, chị L nộp đơn xin ly hôn với anh nhưng chị L rút đơn và Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy anh và chị L vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Anh xét thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị L nên anh yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung: anh và chị L có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/8/2002, Nguyễn Thị Hồng L2, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 27/6/2013. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung, anh và chị L thống nhất anh cấp dưỡng cho mỗi người con hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tính kể từ ngày 29/8/2017 đến khi Nguyễn Thị Hồng L1, Nguyễn Thị Hồng L2, Nguyễn Hoàng P đủ 18 tuổi và yêu cầu Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận này trong bản án. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Phước H về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, giữa chị và anh H có xảy ra bất đồng, cãi nhau nhưng đó chỉ là mâu thuẫn thường ngày của vợ chồng, không có gì nghiêm trọng. Mà nguyên nhân chủ yếu là do anh H không chung thủy với chị. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Vào tháng 5 năm 2017 trong lúc nóng giận chị nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh H nhưng sau khi suy nghĩ lại chị rút đơn, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Chị và anh H vẫn sống chung nhà nhưng ít trao đổi qua lại, mạnh ai nấy làm, không quan tâm nhau. Tuy anh H có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chị còn thương anh H, chị vẫn có thể chịu đựng được để sống chung với anh H nên chị không đồng ý ly hôn. Về con chung: chị và anh H có 03 người con chung là Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/8/2002, Nguyễn Thị Hồng L2, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 27/6/2013. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 người con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: chị và anh H thống nhất anh H cấp dưỡng cho mỗi người con hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tính kể từ ngày 29/8/2017 đến khi Nguyễn Thị Hồng L1, Nguyễn Thị Hồng L2, Nguyễn Hoàng P đủ 18 tuổi và yêu cầu Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận này trong bản án. Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Phước H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L: Anh Nguyễn Phước H và chị Nguyễn Thị Hồng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2000 đúng với quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của vợ chồng anh H và chị L hạnh phúc được 13 năm, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5 năm 2017 chị L nộp đơn ly hôn với anh H nhưng sau đó rút đơn, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 42 ngày 29/5/2017. Sau khi chị L rút đơn khởi kiện ly hôn, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H vẫn không cải thiện nên anh H nộp đơn ly hôn. Anh H cho rằng cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc, anh đã có tình cảm với người khác nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L. Còn chị L cho rằng chị có thể chịu đựng được và tiếp tục sống chung với anh H, chị không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mặc dù còn sống chung nhà nhưng giữa anh H và chị L không có thiện chí trao đổi qua lại để tìm ra phương án có hiệu quả giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Cả anh H và chị L đều thừa nhận anh H không còn tình cảm với chị L. Đồng thời, trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn lại quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị L. Từ đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh H đối với chị L.

[3] Về con chung: Anh H và chị L có 03 người con chung là Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/8/2002, Nguyễn Thị Hồng L2, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 27/6/2013. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, cả ba cháu L1, L2, P đều có nguyện vọng muốn được sống với chị L và anh H cũng đồng ý để chị L nuôi con. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị L thống nhất anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho 03 người con chung tính kể từ ngày 29/8/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, với mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng, anh H và chị L đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này trong bản án. Xét đây là sự thỏa thuận của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn: Nguyên đơn anh Nguyễn Phước H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị L đã thống nhất về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng cho con chung trước khi mở phiên tòa và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, do đó anh H phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Phước H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phước H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung là Nguyễn Thị Hồng L1, sinh ngày 07/8/2002, Nguyễn Thị Hồng L2, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 27/6/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị L như sau: Anh Nguyễn Phước H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho 03 người con chung, với mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/8/2017 đến khi 03 người con chung Nguyễn Thị Hồng L1, Nguyễn Thị Hồng L2, Nguyễn Hoàng P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền

của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Anh Nguyễn Phước H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008966 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, anh H còn phải nộp 150.000 đồng tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Minh Hiệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Minh Hiệp